

GIỚI THIỆU MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ

1.Thông tin hợp tác xã và chế độ kế toán áp dụng

1.1 Thông tin cơ bản HTX

Tên công ty: Hợp tác xã Ngọc Hoa

Mã số thuế: 0103835678 ngày cấp 01/01/2017

Số tài khoản: 0011002252288 Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội

Địa chỉ: Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội

Điện thoại: 0246 288 4586 – Fax: 0246 2884586

Web: phanmemketoanlotus.com . Email: ketoanlotus@gmail.com

Thông tin cơ bản giấy phép kinh doanh

Vốn điều lệ: **5.000.000.000 đồng**

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch dẫn nước
- Dịch vụ bảo vệ thực vật
- Dịch vụ kinh doanh điện chịu thuế GTGT 10%
- Dịch vụ chăn nuôi cá
- Dịch vụ khai thác chợ

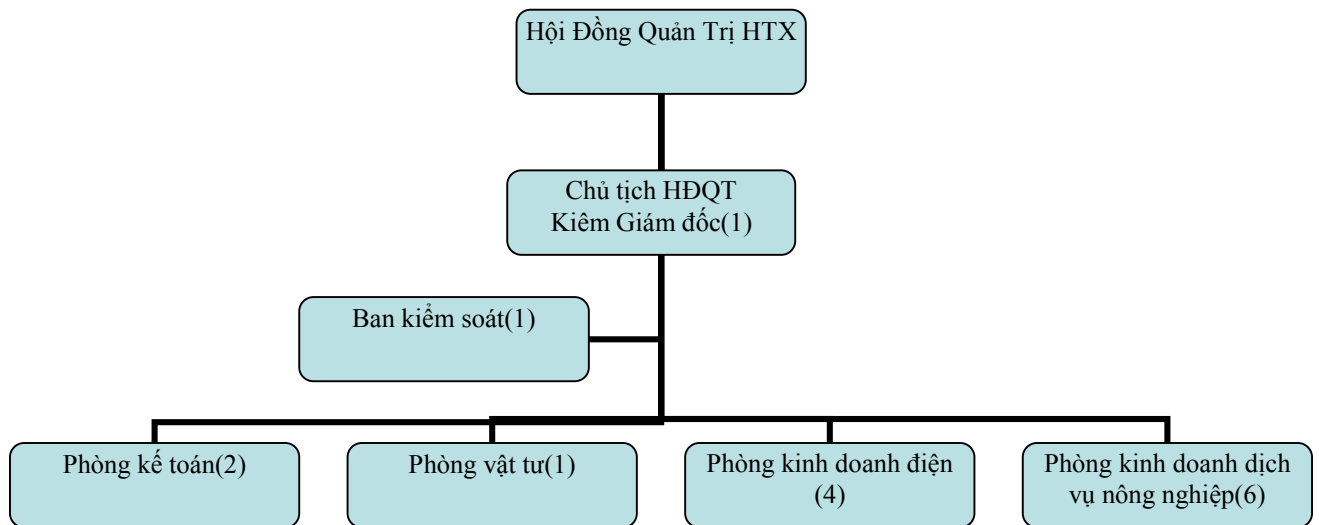
Người đại diện trước pháp luật của HTX

Họ và tên: Nguyễn Thành Long

Chức vụ: Giám đốc

Cơ quan quản lý thuế trực tiếp: Chi Cục Thuế Ba Vì - Hà Nội

1.2 Cơ cấu tổ chức và phòng ban



1.3 Thông tin về nhân sự của HTX

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ LƯƠNG
1	Nguyễn Thành Long	Giám đốc	1
2	Cao Xuân Thắng	Trưởng kiểm soát	0.85
3	Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng	0.85
4	Hoàng Thiết Hùng	Kế toán viên	0.6
5	Bùi Văn Long	Kinh doanh điện	0.6
6	Hoàng Đình Phong	Kinh doanh điện	0.6
7	Khuất Bích Hiền	Kinh doanh điện	0.6
8	Nguyễn Đình Tâm	Kinh doanh điện	0.6
9	Vương Đình Hào	Kinh doanh nông nghiệp	0.6
10	Nguyễn Anh Tuấn	Kinh doanh nông nghiệp	0.6
11	Đỗ Thị Hiền	Kinh doanh nông nghiệp	0.6
12	Đỗ Thị Hoàn	Kinh doanh nông nghiệp	0.6

13	Nguyễn Văn Mậu	Kinh doanh nông nghiệp	0.6
14	Chu Lê Phương	Kinh doanh nông nghiệp	0.6
15	Chu Lê Phong	Thủ quỹ	0.6
16	Khuất Tiến Sơn	Thủ kho	0.6

1.4 Chế độ kế toán áp dụng tại HTX

Hệ thống kế toán áp dụng theo thông tư số 24/2017/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 03 năm 2017 của Bộ Tài Chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Trung Bình Tháng

Phương pháp tính giá thành: Theo phương pháp giản đơn, đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu trực tiếp

Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trừ. Hàng hóa dịch vụ có thuế suất 10%

Quản lý và tính khấu hao tài sản áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính; Tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo đường thẳng

1.5 Hệ thống tài khoản sử dụng tại HTX

DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN HTX

(Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Tk mẹ	TK	Tên tài khoản
	111	Tiền mặt
	112	Tiền gửi ngân hàng
	121	Đầu tư tài chính
121	1211	Tiền gửi có kỳ hạn
121	1218	Đầu tư tài tài chính khác

	131	Phải thu của khách hàng
131	1313	Phải thu dịch vụ điện
	132	Phải thu của hoạt động tín dụng nội bộ
132	1321	Phải thu của hoạt động cho vay
1321	13211	Phải thu về gốc cho vay
1321	13212	Phải thu về lãi cho vay
132	1322	Phải thu hoạt động tín dụng nội bộ khác
	133	Thuế GTGT được khấu trừ
133	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ
133	1332	Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định
	138	Phải thu khác
	141	Tạm ứng
	152	Vật liệu, dụng cụ
	154	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
154	1541	Chi phí dịch vụ dẫn nước
154	1542	Chi phí dịch vụ bảo vệ thực vật
154	1543	Chi phí dịch vụ kinh doanh điện
154	1544	Chi phí dịch vụ chăn nuôi cá
154	1545	Chi phí dv khai thác chợ
	156	Thành phẩm, hàng hóa
	157	Hàng gửi đi bán
	211	Tài sản cố định
211	2111	Tài sản cố định hữu hình
211	2113	Tài sản cố định vô hình
	214	Hao mòn tài sản cố định
214	2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình
214	2143	Hao mòn tài sản cố định vô hình
229	229	Dự phòng tổn thất tài sản

	242	Tài sản khác
242	2421	Chi phí trả trước
242	2422	Xây dựng cơ bản dở dang
	331	Phải trả cho người bán
	332	Phải trả của hoạt động tín dụng nội bộ
332	3321	Phải trả của hoạt động đi vay của thành viên
3321	33211	Phải trả về gốc vay
3321	33212	Phải trả về lãi vay
332	3322	Phải trả hoạt động tín dụng nội bộ khác
	333	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước
333	3331	Thuế GTGT phải nộp
333	3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp
333	3338	Thuế khác, phí, lệ phí khác và các khoản khác phải nộp Nhà nước
	334	Phải trả người lao động
334	3341	Phải trả người lao động cụm dân cư
334	3342	Phải trả người lao động HTX
334	3343	Phải trả người lao động QL điện
	335	Các khoản phải nộp theo lương
335	3351	Các khoản phải nộp theo lương BHXH
335	3352	Các khoản phải nộp theo lương BHYT
	338	Phải trả khác
338	3381	Khoản phải trả khác(C trình ...)
338	3382	Khoản phải trả khác (kí quỹ ...)
338	3383	Khoản phải trả D thu chưa thực hiện
	341	Phải trả nợ vay
341	3411	Phải trả nợ vay REII
341	3412	Phải trả nợ vay tín dụng khác
	342	Khoản trợ cấp, hỗ trợ Nhà nước phải hoàn lại

	353	Quỹ khen thưởng phúc lợi
353	3531	Quỹ khen thưởng
353	3532	Quỹ phúc lợi
	359	Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ
	411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu
411	4111	Vốn góp của thành viên
411	4118	Vốn khác
	418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu
418	4181	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh
418	4182	Quỹ dự phũng
418	4183	Quỹ khác
	421	Lợi nhuận chưa phân phối
	442	Nguồn vốn trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước
	511	Doanh thu
511	5111	Doanh thu dịch dẫn nước
511	5112	Doanh thu dịch vụ bảo vệ thực vật
511	5113	Doanh thu dịch vụ kinh doanh điện
511	5114	Doanh thu dịch vụ chăn nuôi cá
511	5115	Doanh thu khai thác chợ
	521	Các khoản giảm trừ doanh thu
	546	Doanh thu hoạt động tín dụng nội bộ
	558	Thu nhập khác
	632	Giá vốn hàng bán, sản phẩm dịch vụ
632	6321	Giá vốn dịch vụ dẫn nước
632	6322	Giá vốn dịch vụ bảo vệ thực vật
632	6323	Giá vốn dịch vụ điện
632	6324	Giá vốn dịch vụ nuôi cá
632	6325	Giá vốn dịch vụ khai thác chợ

642	Chi phí quản lý kinh doanh
646	Chi phí hoạt động tín dụng nội bộ
658	Chi phí khác
659	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
911	Xác định kết quả kinh doanh
N001	Tài sản thuê ngoài
N002	Vật tư , hàng hóa nhận giữ hộ nhận gia công
N003	Hoàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi
N004	Nợ khó đòi đã xử lý
N005	Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng
N006	Tài sản đảm bảo khoản vay
N007	Ngoại tệ các loại
N008	Lãi cho vay quá hạn khó có khả năng thu được

2. Số dư đầu kỳ của các tài khoản trong hợp tác xã tại ngày 01/01/2018

2.1 Bảng tổng hợp số dư

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản kế toán	Số dư nợ đầu kỳ	Số dư có đầu kỳ
111	Tiền mặt	36.000.000	
112	Tiền gửi ngân hàng	20.000.000	
121	Đầu tài tài chính	310.000.000	
1211	Tiền gửi có kỳ hạn	310.000.000	
131	Phải thu khách hàng	80.000.000	
1311	Phải thu khách hàng tiền điện	80.000.000	
152	Vật liệu, dụng cụ	940.000đ	
211	Tài sản cố định	2.910.000.000	
2111	Tài sản cố định hữu hình	2.910.000.000	

214	Hao mòn tài sản cố định		871.000.000
2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình		871.000.000
331	Phải trả cho người bán		31.000.000
341	Phải trả nợ vay		100.000.000
3411	Phải trả nợ vay REII		100.000.000
353	Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.000.000
3531	Quỹ khen thưởng		9.000.000
3532	Quỹ phúc lợi		4.000.000
411	Vốn đầu tư chủ sở hữu		2.103.000.000
4111	Vốn góp của thành viên		280.940.000
4118	Vốn khác		1.823.000.000
418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu		210.000.000
4181	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh		150.000.000
4182	Quỹ dự phòng		60.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		28.000.000

2.2 Danh sách khách hàng

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ
SON	Ngô Thanh Sơn	Cụm 1 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CHUOC	Nguyễn Bá Chóc	Cụm 2 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
THONG	Lê Văn Thông	Cụm 3 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà

		Nội
DUNG	Nguyễn Văn Dũng	Cụm 3 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
TUAN	Bùi Đức Tuấn	Xã Thuận Mỹ, Ba Vì, Hà Nội
MAU	Khuất Văn Mậu	Xã Thuận Mỹ, Ba Vì, Hà Nội
DUC	Nguyễn Văn Dục	Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
HAN	Nguyễn Văn Hận	Cụm 7 Xã Thuận Mỹ, Hà Nội
CHIEN	Đoàn Thanh Chiến	Cụm 9 Xã Thuận Mỹ, Ba Vì, Hà Nội
AN	Nguyễn Đức An	Cụm 10 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
KHUE	Đoàn Văn Khuê	Cụm 7 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
TIEN8A	Nguyễn Đỗ Tiến	Cụm 8a, Thuận Mỹ, Ba Vì, Hà Nội
CT_LONG	Cng ty CP Long Sơn	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội
CT_VIETTIEN	Công ty CP Xây Dựng Việt Tiến	Thái Hng - Ba Vì - Hà Nội
CT_DLBV	Công ty CP Điện Lực Ba Vì	TT Tây Đằng, H. Ba Vì, Hà Nội
KHAC	Xã viên	
CTYLAKHE	Công ty Thủy Lợi La Khê	Hà Đông, Hà Nội
CDCO1	Cụm Dân C Số 1	Cụm 1, Xã Thuận Mỹ, Ba Vì, Hà Nội
CDC2	Cụm Dân C số 2	Cụm 2, Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC3	Cụm Dân C Số 3	Cụm 3 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC4	Cụm Dân C Số 4	Cụm 4 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC5	Cụm Dân C số 5	Cụm 5 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC6	Cụm Dân C số 6	Cụm 6 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC7	Cụm dân c số 7	Cụm 7 Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC8A	Cụm Dân C số 8a	Cụm 8a Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC8B	Cụm Dân C số 8b	Cụm 8b Xã Thuận Mỹ, H. Ba Vì,

		Hà Nội
CDC9	Cụm Dân C Số 9	Cụm 9 Xã Thuần Mỹ, H. Ba Vì, Hà Nội
CDC10	Cụm dân c số 10	Cụm 10 Xã Thuần Mỹ, Hà Nội

2.3 Sổ chi tiết tài khoản nợ phải thu, nợ vay, nợ phải trả

Sổ chi tiết tài khoản 131 Phải thu của khách hàng

** Chi tiết TK 1313 – Phải thu của khách hàng*

STT	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Thành tiền
1	CT_LONGSON	Công ty Cổ phần Long Sơn (Dư Nợ): Địa chỉ: Tây Đằng – Ba Vì – Hà Nội MST: 0100112532 Số TK 2011 1233 056 Ngân hàng Công Thương HT	50.000.000
2	CT_VIETTIEN	Công ty CP Xây Dựng Việt Tiến Địa chỉ: Thái Hưng – Ba Vì – Hà Nội MST: 5400229724 Số TK 3011 1233 034 Ngân hàng VCB Bank	30.000.000
		Tổng	80.000.000

** Chi tiết TK 3411 – Phải trả nợ vay RII*

STT	Tên đối tượng cho công ty vay	Thành tiền
1	Ngân hàng Thế Giới (HĐ tín dụng số: HĐ 1208–001) Thời gian vay: Từ 01/01/2017 đến ngày 01/01/2027 Lãi suất: 1% /tháng, thanh toán lãi vào ngày 18/ tháng Gốc thanh toán vào ngày 18/01/2018	100.000.000
	Tổng	100.000.000

* Chi tiết TK 331 – Phải trả người bán

STT	Mã khách hàng	Tên người bán	Thành tiền
1	CT_DLBV	Công ty CP Điện Lực Ba Vì Địa chỉ: TT Tây Đằng – Ba Vì – Hà Nội MST: 0100103305 Số TK 2011 1233 096 NH công thương HT	31.000.000
Tổng			31.000.000

- Chi tiết hàng tồn kho 152

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	KD18	Khang dân 18	Kg	50	5.000	250.000
2	TAPGIAO	Thóc tạp giao	Kg	30	3.000	90.000
3	ATOMAT	Atomat	Cái	20	30.000	600.000
Tổng						

2.4. Số chi tiết tài sản cố định

Bảng chi tiết tài sản

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Ngày sử dụng	Năm sử dụng	Nguyên Giá	HML K	Giá trị còn lại
NHA1	Nhà văn phòng	01/01/18	15	500.000.000		500.000.000
OTO7	Xe TOYOTA 7 chỗ	01/01/18	10	850.000.000		850.000.000
MVT1	Máy vi tính Intel 01	01/01/18	3	30.000.000		30.000.000
MVT2	Máy vi tính Intel 02	01/01/18	3	30.000.000		30.000.000
DIENHT	Hệ thống điện hạ thế	01/01/17	12	1.500.000.000	871.000.000	629.000.000
Tổng cộng						

2.5 Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quý 01/2018

2.5.1. Kế toán tiền, đầu tư tài chính và nợ phải thu trong Hợp tác xã

- Ngày 03/01/2018 Thu tiền Nguyễn Đỗ Tiến cụm 8a phí kinh doanh chợ quý 1 năm 2018
Số chứng từ số 01

2. Ngày 08/01/2018 Thu tiền nợ điện công ty CP Long Sơn tháng 12 năm 2017 số tiền 31.000.000đ số phiếu thu 02
3. Ngày 01/02/2018 thu tiền điện tháng 01 năm 2018 ông Đoàn Thanh Chiến cụm 9 số tiền 90.000.000đ số phiếu thu 03
4. Ngày 01/02/2018 thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng số tiền 3.100.000đ số phiếu thu 04
5. Ngày 06/02/2018 rút tiền tiết kiệm cả gốc và lãi số tiền gốc 100.000.000đ, lãi 30.000đ số phiếu thu 05
6. Ngày 07/02/2018 phòng kế toán thu phạt nộp chậm tiền điện ông Lê Văn Thông số tiền 1.200.000đ số phiếu thu 06
7. Ngày 12/02/2018 Đoàn Thị Hiền rút tiền gửi tại ngân hàng về nhập quỹ ,số tiền 60.000.000đ, số phiếu thu 07
8. Ngày 28/02/2018 HTX thu tiền điện tháng 02 của ông Lê Văn Thông, số tiền 121.000.000đ, số phiếu thu 09
9. Ngày 13/03/2018 HTX thu tiền thuê cột điện của ông Trần Văn Sáng quý 01 năm 2018, số tiền 5.310.000đ, số phiếu thu 10
10. Ngày 29/03/2018 HTX thu tiền dịch vụ bảo vệ thực vật của ông Đoàn Văn Khuê,số tiền 30.000.000đ, số phiếu thu 11
11. Ngày 30/03/2018 HTX thu tiền điện tháng 3 ông Nguyễn Đức An, số tiền 110.000.000đ Số phiếu thu 12
12. Ngày 30/03/2018 HTX thu tiền bán cá cho ông Nguyễn Đỗ Tiến, số tiền 40.000.000đ, phiếu thu số 13
13. Ngày 02/01/2018 Chi tiền cho ông Ngô Thanh Sơn mua xà xứ, số tiền 2.800.000đ, số phiếu chi 01
14. Ngày 12/01/2018 Chi tiền công tác phí cho ông Lê Bá Thông, số tiền 1.900.000đ, số phiếu 03
15. Ngày 30/01/2018 Chi nộp thuế môn bài năm 2018 Chi Cục Thuế H. Ba Vì, số tiền 2.000.000đ

16. Ngày 30/01/2018 Ủy nhiệm chi tiền mua điện cho Công ty CP Điện Lực Ba Vì theo hóa đơn số 0123 ngày 30/01/2018, số tiền điện chưa thuế 80.000.000đ thuế GTGT 10 %, số phiếu UNC 01
17. Ngày 30/01/2018 Ủy nhiệm chi tiền mua công tơ điện Công ty CP Thương Mại Phong Nha theo hóa đơn số 0234 ngày 05/02/2018, số tiền chưa thuế 30.000.000đ thuế GTGT 10 %, số phiếu UNC 02
18. Ngày 28/02/2018 Ủy nhiệm chi tiền mua điện tháng 02, đơn vị thụ hưởng Công ty CP Điện Lực Ba Vì theo hóa đơn số 0125 ngày 30/03/2018, số tiền điện chưa thuế 100.000.000đ thuế GTGT 10 %, số phiếu UNC 04
19. Ngày 08/03/2018 chi trả khoản nuôi cá, số tiền 15.000.000đ, người nhận tiền ông Đoàn Văn Khuê, số phiếu chi 10
20. Ngày 30/03/2018 Ủy nhiệm chi tiền mua điện tháng 03, đơn vị thụ hưởng Công ty CP Điện Lực Ba Vì theo hóa đơn số 0126 ngày 30/03/2018, số tiền điện chưa thuế 100.000.000đ thuế GTGT 10 %, số phiếu UNC 04
21. Ngày 29/03/2018 Chi tiền cho ông Ngô Thanh Sơn mua thóc giống đánh chuột Phiếu nhập kho ngày 20/03/2018, số tiền 3.400.000đ, số phiếu chi 13
22. Ngày 01/01/2018 Ông Nguyễn Bá Chúc nộp tiền vào tài khoản, số tiền 300.000.000đ, số phiếu báo có 01
23. Ngày 05/03/2018 Ông Nguyễn Bá Chúc nộp tiền vào tài khoản, số tiền 15.000.000đ, số phiếu báo có 02
24. Ngày 05/03/2018 UNC nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2018, số tiền 5.000.000đ
25. Ngày 30/03/2018 Chi trả tiền mua cám cá quý 01 năm 2018, số tiền 7.500.000đ, người nhận tiền ông Ngô Thanh Sơn, số phiếu chi 18.
26. Ngày 31/03/2018 HTX UNC trả tiền vay dự án RII khoản vay nâng cấp hạ tầng lưới điện, số tiền gốc 30.000.000đ, lãi 1.000.000đ, đơn vị nhận tiền Ngân Hàng Thế Giới
27. Ngày 31/03/2018 HTX UNC trả khoản nợ tiền điện năm 2017, số tiền 31.000.000đ, đơn vị nhận tiền Công ty CP Điện Lực Ba Vì
28. Ngày 31/03/2018 HTX chi tiền nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế số tiền BHXH 45.360.000đ, BHYT 15.120.000đ, đơn vị nhận tiền Bảo Hiểm Xã Hội Ba Vì

29. Ngày 31/03/2018 HTX chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh cho người lao động, số tiền 23.666.669đ, người nhận Thành Viên HTX

30. Ngày 31/03/2018 HTX chi tiền tạm ứng đi công tác sở công thương, số tiền 1.000.000đ, người nhận tiền bà Đoàn Thị Hiền

2.5.2. Kế toán vật liệu, dụng cụ trong Hợp tác xã

1. Ngày 15/01/2018 Chi tiền cho ông Ngô Thanh Sơn mua xà xú lắp hệ thống điện
Phiếu nhập kho ngày 01/01/2018

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	XAXU	Xà xú	Cái	40	70.000	2.800.000
		Tổng				2.800.000đ

2. Ngày 15/01/2018 Nhập mua cá chim trắng của xã viên trong hợp tác xã, chưa thanh toán, phiếu nhập kho ngày 15/01/2018

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CHIMT RANG	Cá chim trắng	Con	1.500	5.000đ	7.500.000
		Tổng				7.500.000

3. Ngày 15/01/2018 Xuất (thả) cá chim trắng xuống ao trong hợp tác xã để nuôi cá, phiếu xuất kho ngày 15/01/2018

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CHIMT RANG	Cá chim trắng	Con	1.500	5.000đ	7.500.000
		Tổng				7.500.000

4. Ngày 16/01/2018 Nhập kho cám cá nuôi cá, người của ông Ngô Thanh Sơn, mua hàng chưa thanh toán

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CAMCA	Cám cá	kg	1.500	5.000đ	7.500.000
		Tổng				7.500.000

5. Ngày 17/01/2018 Xuất kho cám cá nuôi cá, ông Đoàn Văn Khuê nhận,

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CAMCA	Cám cá	kg	500	5.000đ	2.500.000
		Tổng				2.500.000

6. Ngày 20/03/2018 Chi tiền cho ông Ngô Thanh Sơn mua thóc giống đánh chuột
Phiếu nhập kho ngày 20/03/2018

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	TAPGIAO	Thóc đánh chuột tạp giao	Kg	170	20.000	3.400.000
		Tổng				3.400.000đ

7. Ngày 05/02/2018 HTX nhập mua công tơ điện của Công ty CP Thương Mại Phong
Nha phiếu nhập mua ngày 05/02/2018 số hóa đơn 0234 thuế GTGT 10%

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CONGTO	Công tơ điện	Cái	200	150.000đ	30.000.000đ
		Tổng				30.000.000đ

8. Ngày 10/02/2018 xuất kho vật tư: 200 công tơ lắp đặt hệ thống lưới điện,
Người nhận Phòng Kinh Doanh Điện

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CONGTO	Công tơ điện	Cái	200	150.000đ	30.000.000đ
		Tổng				30.000.000đ

9. Ngày 20/02/2018 Xuất kho cám cá nuôi cá, ông Đoàn Văn Khuê nhận,

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CAMCA	Cám cá	kg	1000	5.000đ	5.000.000
		Tổng				5.000.000

2.5.3. Kế toán tài sản cố định(TSCĐ), đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản

1. Ngày 15/01/2018 Xuất kho xà xứ lắp hệ thống điện, bộ phận tiếp nhận vật tư Phòng Kinh Doanh Điện, Phiếu xuất kho số 01

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	XAXU	Xà xứ	Cái	40	70.000	2.800.000
		Tổng				2.800.000đ

2. Ngày 10/02/2018 xuất kho vật tư: 200 công tơ lắp đặt hệ thống lưới điện, số phiếu Người nhận Phòng Kinh Doanh Điện

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CONGTO	Công tơ điện	Cái	200	150.000đ	30.000.000đ
		Tổng				30.000.000đ

3. Ngày 31/03/2018 HTX nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hệ thống lưới điện, số tiền 32.800.000đ

2.5.4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong Hợp tác xã

- Ngày 29/01/2018 Chi tiền lương công nhân quản lý điện tháng 01 năm 2018, số tiền 6.000.000đ người nhận tiền ông Khuất Văn Mậu, số phiếu chi 05
- Ngày 28/02/2018 Chi tiền lương tháng 01 và 02 cho ban quản lý HTX, người đại diện nhận tiền bà Đỗ Thị Hiền, số tiền 29.100.000đ số phiếu chi 09

3. Ngày 29/01/2018 Chi tiền lương công nhân quản lý điện tháng 02+03 năm 2018, số tiền 12.000.000đ người nhận tiền ông Khuất Văn Mậu, số phiếu chi 14
4. Ngày 31/03/2018 Hạch toán chi phí bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế quý 1 năm 2018, số tiền BHXH: 45.360.000đ, BHYT: 15.120.000đ

2.5.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong Hợp tác xã

1. Ngày 08/01/2018 Chi tiền công dọn vệ sinh chợ quý 1 năm 2018 7.500.000đ, số phiếu 02 Người nhận tiền ông Nguyễn Bá Chức
2. Ngày 06/02/2018 Chi tiền điện bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, người nhận tiền Công ty CP Điện Lực Ba Vì, số tiền 60.000.000đ, số phiếu chi 07
3. Ngày 28/02/2018 Chi tiền dọn vệ sinh và trông coi chợ, người nhận tiền Đỗ Văn Mười, số tiền 7.000.000đ, số phiếu chi 08
4. Ngày 08/03/2018 Chi Khoán nuôi cá, số tiền 15.000.000đ, người nhận tiền ông Đoàn Văn Khuê, số phiếu chi 10
5. Ngày 08/03/2018 Chi công tác vệ sinh đồng ruộng và chỉ đạo sản xuất, số tiền 2.200.000đ, người nhận tiền ông Đoàn Văn Khuê, số phiếu chi 11
5. Ngày 29/03/2018 Chi công tác diệt chuột vụ xuân 2018, số tiền 4.300.000đ, người nhận tiền Đoàn Thi Hiền, số phiếu chi 12
6. Ngày 30/03/2018 Xuất kho mua thóc giống đánh chuột, Phiếu xuất kho số 01

STT	Mã VT, HH	Tên vật tư	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	TAPGIAO	Thóc đánh chuột	Kg	170	20.000	3.400.000
		Tổng				3.400.000đ

7. Ngày 31/01/2018 Kết chuyển chi phí thuê môn bài năm 2018, số tiền 2.000.000đ, số phiếu kế toán 01
8. Ngày 31/03/2018 kết chuyển chi phí nhân công dịch vụ điện, số tiền 18.000.000đ, số phiếu kế toán 02

9. Ngày 31/03/2018 kết chuyển thuế giá trị gia tăng được khấu trừ quý 1 năm 2018, số tiền 31.000.000đ

10. Ngày 31/03/2018 kết chuyển chi phí lương cán bộ quản lý quý 1 năm 2018, số tiền 44.100.000đ

2.5.6. Kế toán thành phẩm, hàng hóa, doanh thu, thu nhập và kết quả kinh doanh

1. Ngày 31/01/2018 Hợp tác xã xuất hóa đơn bán điện sinh hoạt, số tiền 110.000.000đ thuế GTGT 10%, người nhận Lê Văn Thông, số hóa đơn 01

2. Ngày 28/02/2018 Hợp tác xã xuất hóa đơn bán điện sinh hoạt, số tiền 200.000.000đ thuế GTGT 10%, người nhận Nguyễn Đức An, số hóa đơn 02

3. Ngày 28/02/2018 Công ty Thủy Lợi La Khê, chuyển tiền hỗ trợ thủy lợi phí năm 2018, số tiền 191.540.000đ, phiếu báo có số 02

4. Ngày 31/03/2018 Hợp tác xã xuất hóa đơn bán điện sinh hoạt, số tiền 121.000.000đ thuế GTGT 10%, người nhận Đoàn Thanh Chiến, số hóa đơn 03

5. Ngày 31/03/2018 hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp dịch vụ điện số tiền thuế phải nộp 5.000.000đ, thuế suất 20%

2.5.7. Kế toán các khoản phải trả và vốn chủ sở hữu trong Hợp tác xã

1. Ngày 12/02/2018 thành viên Tạ Văn Đoàn góp vốn vào HTX, số tiền 15.000.000đ, số phiếu thu 08

2. Ngày 12/01/2018 Chi tiền hỗ trợ công tác tập huấn cây trồng vụ đông cho ông Nguyễn Văn Dũng, số tiền 1.600.000đ, số phiếu 04

3. Ngày 30/03/2018 Chi hỗ trợ hội người mù và chất độc da cam, số tiền 1.000.000đ, người nhận Đoàn Văn Khuê, số phiếu chi 15

4. Ngày 01/01/2018 Kế toán trích lập quỹ, lợi nhuận đầu năm 2018, số tiền các quỹ như sau:

- Quỹ phát triển sản xuất: 13.000.000đ
- Quỹ phúc lợi: 10.000.000đ
- Quỹ dự phòng: 5.000.000đ

5. Ngày 30/03/2018 Hợp tác xã chi khen thưởng công tác thu tiền điện, số tiền 1.500.000đ, người nhận ông Lê Văn Thông, số phiếu chi 17

6. Ngày 31/03/2018 Kế toán trích lập quỹ và chia lợi nhuận quý 1 năm 2018, số tiền các quỹ như sau:

- Quỹ phát triển sản xuất: 40.000.000đ
- Quỹ phúc lợi: 10.000.000đ
- Quỹ khen thưởng: 10.000.000đ
- Quỹ dự phòng: 30.000.000đ
- Chia lợi nhuận: 61.786.669đ

2.5.8. Kế toán lập Báo cáo tài chính, báo cáo thuế trong Hợp tác xã

1. Định khoản các nghiệp vụ kế toán

2. Xác định loại chứng từ cần lập và lập chứng từ vào phần mềm

3. Thực hiện các bút toán khóa sổ cuối quý 1 trên giấy và trên máy

4. Lập bảng cân đối tài khoản

5. Lập bảng báo cáo tình hình tài chính

6. Lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh

7. Lập thuyết minh báo cáo tài chính

8. Báo cáo thuế GTGT Quy 01/2018

- Lập tờ khai thuế GTGT Q 01/2018
- Lập bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra
- Lập bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào